TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HS-ST
Ngày 26- 3- 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Quyết và Ông Hoàng Văn Thọ

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nông Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

Lý Văn K (tên gọi khác: Không), sinh ngày 08 tháng 10 năm 2006 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng; Căn cước công dân: 004206003264; Nơi cư trú: xóm N, xã Q, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn D, sinh năm 1981 và bà Nông Thị T (đã chết), mẹ kế: Trương Thị T1, sinh năm 1983; vợ, con: chưa có; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực B thuộc Trại tạm giam công an tỉnh C. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Nông Văn V (tên gọi khác: Không), sinh ngày 17 tháng 9 năm 1985 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng; Căn cước công dân: 004085007432; Nơi cư trú: xóm T, xã Q, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 4/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn V1 (đã chết) và bà Dương Thị H, sinh năm 1944; vợ: Lương Thị N, sinh năm 1989; con: 02, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 33/2020/HS-ST ngày 28/10/2020 của Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng đã xử phạt bị

cáo 16 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực B thuộc Trại tạm giam công an tỉnh C. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn V:* Ông Bế Kim T2 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trương Thị T1, sinh ngày 17/7/1983; Nơi cư trú: xóm N, xã Q, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 00 phút ngày 17/12/2024, tổ công tác Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng làm nhiệm vụ tại xóm T, xã Q, huyện B, tỉnh Cao Bằng thì phát hiện 01 nam thanh niên có biểu hiện nghi vấn tội phạm về ma tuý, tổ công tác đã kiểm tra, đã xác định họ tên: Lý Văn K và thu giữ: 03 gói đều được gói bằng giấy màu trắng, bên trong các gói đều chứa chất bột màu trắng, K khai nhận là heroin mua với Nông Văn V với giá 400.000 đồng để bản thân sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, đã qua sử dụng, số tiền 285.000 đồng; 01 xe máy nhãn hiệu WAVE RSX, biển kiểm soát 11AM – 012.80.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nông Văn V, đã phát hiện, thu giữ: 01 mảnh giấy bạc kích thước 3x8cm đã bị đốt dở; số tiền 5.000.000 đồng. Bắt giữ người trong trường hợp khẩn đối với Nông Văn V, thu giữ: 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, điện thoại có 01 thẻ sim, mạng Viettel, số thuê bao: 0346.562107; 01 ví giả da màu đen, bên trong có số tiền 955.000 đồng.

Kết quả điều tra như sau:

Lý Văn K lao là động tự do nhưng K1 không tu chí lao động mà thường xuyên giao du, gặp gỡ với những người nghiện ma tuý, sử dụng ma tuý, nghiện ma túy. Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 17/12/2024, K có nhu cầu sử dụng heroin nên gọi điện thoại cho Nông Văn V nhà ở xóm T, xã Q, huyện B, tỉnh Cao Bằng để hỏi mua heroin với số tiền 400.000 đồng, V đồng ý bán và hẹn giao dịch tại nhà của V. Kết điều khiển xe máy đến nhà của V, K đứng dưới sàn nhà của V đưa lên qua khe cửa sổ cho V số tiền 400.000 đồng, nhận được tiền, V đưa 02 gói heroin được gói bằng giấy màu trắng qua cửa sổ cho K. Sau khi mua được heroin K đi về nhà rồi chia số heroin vừa mua được thành 03 gói được gói trong giấy màu trắng và cất giấu trong túi áo khoác bên trái chiếc áo Kết đang mặc. Tiếp đó, K điều khiển xe máy đi xuống xóm T, xã Q, huyện B, tỉnh Cao Bằng tìm mua xilanh kim tiêm để sử dụng heroin. Trên đường đi thì bị Công an huyện B phát hiện bắt quả tang, thu giữ 03 gói heroin. Trước đó, K còn mua heroin với Nông Văn V 02 lần, cụ thể: Lần 1, vào trưa ngày 14/12/2024, 01 gói heroin, số tiền

200.000 đồng, tại ven đường liên xóm T, xã Q, gần nhà của V, do chưa có tiền nên Kết báo nợ V, V đồng ý. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, K chuyển số tiền 200.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của K để trả cho V. Lần 2, khoảng hơn 13 giờ ngày 16/12/2024, K chuyển số tiền 400.000 đồng sang tài khoản ngân hàng của V trước rồi gọi điện thoại để hỏi mua heroin 400.000 đồng với V, V thấy tài khoản nhận được tiền nên đồng ý bán. Kết đi đến gần nhà của V thì V nói với K chờ V trên đường, V đi bộ lên trên đường phía sau nhà của V, đưa cho K 01 gói heroin. Toàn bộ số heroin Lý Văn K mua với Nông Văn V vào các ngày 14/12/2024 và 16/12/2024 K đã sử dụng hết.

Nông Văn V khai nhận: V đã mua heroin một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ 02 lần, lần 1: Vào sáng ngày 12/12/2024, V đi nhờ xe của một người không quen biết đến quán B thuộc Khu C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Sau khi trao đổi, người đàn ông đồng ý bán và hẹn V tại bờ kè sông G. V mua số tiền 1.600.000 đồng được 01 gói heroin. Sau khi mua được heroin, V đi nhờ xe máy một người không quen biết để về nhà. Số heroin mua được một phần Vinh để bản thân sử dụng, còn một phần đã bán cho Lý Văn K vào ngày 14/12/2024. Lần 2: Vào sáng ngày 16/12/2024, V tiếp tục gặp người này tại quán B thuộc Khu C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Sau khi trao đổi, người này đồng ý bán và hẹn V tại bờ kè sông G. V mua số tiền 800.000 đồng được 01 gói heroin. Sau khi mua được heroin, V đi nhờ xe máy một người không quen biết để về nhà. Số heroin mua được một phần Vinh để bản thân sử dụng, còn một phần đã bán cho Lý Văn K vào các ngày 16 và 17/12/2024.

Ngày 17/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Cao Bằng phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, Cao Bằng tiến hành mở niêm phong xác định khối lượng toàn bộ số chất bột màu trắng (nghi là H1) thu giữ khi bắt quả tang Lý Văn K, kết quả, khối lượng là 0,23 gam. Sau khi cân, tiến hành trích 0,05 gam làm mẫu để trưng cầu giám định. Bản kết luận giám định số 43 KL-KTHS ngày 26/12/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh C kết luận: 01 mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine (H). Kèm theo mẫu hoàn lại 0,0328 gam.

Đối với người đàn ông bán heroin cho V vào các ngày 12/12/2024, 16/12/2024 do V không biết họ tên và địa chỉ của người đàn ông này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở mở rộng vụ án. Các vật chứng, tài sản đã thu giữ được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

Bản Cáo trạng số 13/CT-VKSBL ngày 28/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nông Văn V về tội Mua bán trái phép chất ma tuý, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lý Văn K về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nông Văn V, Lý Văn K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản của bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo K đề

nghị trả lại số tiền 285.000 đồng; Bị cáo V có đề nghị được trả lại 01 ví giả da, số tiền 5.000.000 đồng; Các bị cáo đề nghị miễn án phí.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trương Thị T1 khai, bà là chủ sở hữu chiếc xe máy nhãn hiệu WAVE RSX, biển kiểm soát 11AM – 012.80 bà không biết Kết nghiện ma tuý, sử dụng xe của bà để đi mua ma tuý, bà đề nghị trả lại chiếc xe máy cho bà.

Trong phần luận tội, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh, đề nghị tuyên bố bị cáo Nông Văn V phạm tội Mua bán trái phép chất ma tuý; tuyên bố bị cáo Lý Văn K phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn V. Xử phạt bị cáo V từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù; đề nghị phạt bổ sung bị cáo V số tiền 5.000.000 đồng.

Đề nghị áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Văn K. Xử phạt bị cáo Kết từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù. Đề nghị không phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch tiêu huỷ số ma tuý được đựng trong 02 phong bì thư, 01 mảnh giấy bạc; Tịch thu, phát mại để nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại OPPO của bị cáo K, 01 điện thoại OPPO của bị cáo V; Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 955.000 đồng; Truy thu số tiền 45.000 đồng đối với bị cáo V; Trả lại cho bị cáo K số tiền 285.000 đồng; Trả lại cho bị cáo V 01 ví giả da, số tiền 5.000.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án; trả lại cho bà Trương Thị T1 01 xe máy, biển kiểm soát 11AM – 012.80;

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lý Văn K, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trương Thị T1 không tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn V là ông Bế Kim T2 tranh luận: Ông T2 nhất trí với tội danh, điểm khoản và điều luật áp dụng đối với bị cáo V theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm. Ông T2 đề nghị xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có trình độ học vấn thấp, lớp 4/12, nhận thức pháp luật còn hạn chế; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn

hối cải, đề nghị cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là 07 năm tù. Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung do gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ; Về xử lý vật chứng và án phí, nhất trí theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Về tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận vì tại phiên toà bị cáo trình bày, bị cáo biết tác hại của ma tuý, nhận thức được mua bán trái phép chất ma tuý là hành vi bị nhà nước nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn thực hiện; Về hình phạt bổ sung, bị cáo không thuộc hộ nghèo, cận nghèo, quá trình khám xét thu giữ số tiền 5.000.000 đồng là tài sản của bị cáo, căn cứ theo khoản 2, Điều 35 của Bộ luật hình sự, bị cáo có tài sản để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án, do đó, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên đề nghị phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng, các bị cáo trình bày, đều rất hối hận về hành vi vi phạm pháp luật của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận định giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận: Hồi 14 giờ 00 phút ngày 17/12/2024, tổ công tác Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng làm nhiệm vụ tại xóm T, xã Q, huyện B, tỉnh Cao Bằng bắt quả tang bị cáo Lý Văn K tàng trữ 03 gói heroin, có khối lượng 0,23 gam để bản thân sử dụng. Số heroin này bị cáo K mua với bị cáo Nông Văn V vào khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày tại nhà ở của V xóm T, xã Q, huyện B, tỉnh Cao Bằng với số tiền giá 400.000 đồng.

Trước đó, bị cáo Nông Văn V còn bán heroin 02 lần cho bị cáo Lý Văn K, cụ thể: Lần 1, vào trưa ngày 14/12/2024, bán 01 gói heroin, số tiền 200.000 đồng, tại ven đường liên xóm T, xã Q, huyện B, tỉnh Cao Bằng gần nhà của bị cáo V; L, khoảng hơn 13 giờ ngày 16/12/2024, bán 01 gói heroin, số tiền 400.000

đồng tại đoạn đường đường phía sau nhà của bị cáo V, xóm T, xã Q, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tàng trữ, mua bán trái phép chất ma tuý là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi tàng trữ trái phép Heroine để sử dụng của bị cáo Lý Văn K đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý, định khung hình phạt *"Heroine,.. có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; Hành vi bán trái phép Heroine nhiều lần của bị cáo Lý Văn K đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma tuý với tình tiết định khung hình phạt "Phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm b, khoản 2, Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng truy tố đối với các bị cáo Nông Văn V, Lý Văn K là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Đồng phạm, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án: Vụ án không có đồng phạm, các bị cáo V, K thực hiện hành vi riêng biệt, bị cáo V thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma tuý, bị cáo K thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý để sử dụng, cấu thành 02 tội độc lập. Hành vi phạm tội của bị cáo K là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo V là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến việc quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tác hại nhiều mặt đối với đời sống, xã hội. Cần phải xử lý các bị cáo nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo K được bố mẹ nuôi dưỡng, học tập đến lớp 8/12 phổ thông, bị cáo V được học tập đến lớp 4/12 phổ thông. Bị cáo V bị Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm kết án về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý, tính đến nay, bị cáo được coi là chưa bị kết án. Các bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, lười lao động, có quan hệ với nhiều đối tượng nghiện ma tuý, sử dụng trái phép chất ma tuý và bị lệ thuộc vào ma tuý. Kết quả xét nghiệm chất ma tuý trong cơ thể của các bị cáo ngày 17/12/2024 thể hiện các bị cáo V, K đều dương tính với chất ma tuý, điều đó thể hiện các bị cáo chưa chấp hành tốt các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xác định các bị cáo đều có nhân thân xấu.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà các bị cáo đều thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa đề nghị cho bị cáo V được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét

xử thấy rằng, tuy bị cáo V học vấn lớp 4/12 phổ thông, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nhưng bị cáo nhận thức rõ việc mua bán trái phép chất ma tuý là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[7] Về hình phạt chính: Các bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng do cố ý nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, răn đe đối với các bị cáo. Mức hình phạt theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo, đề nghị mức hình phạt người bào chữa cho bị cáo V là phù hợp, được chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng";* Hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo V không thuộc hộ nghèo, cận nghèo, xét hỏi công khai tại phiên toà xác định được số tiền thu giữ khi khám xét nơi ở của bị cáo V là 5.000.000 đồng, là tài sản hợp pháp của bị cáo, bị cáo bán trái phép chất ma tuý nhằm thu lời bất chính, bị cáo có tài sản để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thi hành án, do đó, cần phạt bổ sung bị cáo V, đề nghị phạt bổ sung của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, người bào chữa đề nghị không phạt bổ sung đối với bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng";* Qua xét hỏi công khai tại phiên toà, xác định, bị cáo K nghiện ma tuý, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo K.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với số ma tuý được đựng trong 02 phong bì thư là vật cấm tàng trữ, lưu hành, 01 thẻ sim, 01 mảnh giấy bạc là công cụ sử dụng mua bán, sử dụng ma tuý, không có giá trị cần tịch thu, tiêu huỷ theo điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với 01 điện thoại OPPO của bị cáo K, 01 điện thoại OPPO của bị cáo V, các bị cáo đã sử dụng là công cụ liên lạc mua bán trái phép chất ma tuý, cần tịch thu, phát mại, nộp ngân sách Nhà nước theo điểm a, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Số tiền bị cáo V bán trái phép chất ma tuý cho bị cáo K tổng cộng là 1.000.000 đồng, đây là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội, trong đó, thu giữ khi khám xét trên người bị cáo V được số tiền 955.000 đồng, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; số tiền 45.000 đồng bị cáo V đã chi tiêu cá nhân, cần buộc bị cáo V nộp lại vào ngân sách nhà nước, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Đối với số tiền 285.000 đồng thu giữ của bị cáo K; 01 ví giả da, số tiền 5.000.000 đồng thu giữ của bị cáo V, không liên quan đến hành vi phạm tội của

các bị cáo, các bị cáo có đề nghị được trả lại là phù hợp, được chấp nhận theo điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tạm giữ số tiền trả cho bị cáo V để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo V.

Đối với 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 11AM – 012.80 thuộc sở hữu của bà Trương Thị T1, bị cáo K đã sử dụng chiếc xe để đi mua ma tuý về mục đích để sử dụng, không phải vật chứng trong vụ án, bà T1 có đề nghị được trả lại được chấp nhận theo điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Xác nhận, số tiền 6.240.000 đồng đã chuyển vào tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng ngày 14/02/2025; các vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 24 ngày 28/02/2025.

[10] Về án phí hình sự: Xét đơn xin miễn án phí của các bị cáo tại phiên toà, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên các bị cáo được miễn án phí điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[12] Các vấn đề liên quan: Đối với người đàn ông bán heroine cho bị cáo V vào các ngày 12/12/2024, 16/12/2024, do bị cáoVinh không biết họ tên và địa chỉ của người đàn ông này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở mở rộng vụ án, Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Các đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, miễn án phí cho các bị cáo đều phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo V, những đề nghị nào phù hợp thì được chấp nhận, những đề nghị nào không phù hợp thì không được chấp nhận; Lời nói sau cùng của các bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nông Văn V phạm tội Mua bán trái phép chất ma tuý.

Tuyên bố bị cáo Lý Văn K phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51;

Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn V. Xử phạt bị cáo Nông Văn V 07 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 17/12/2024. Phạt bổ sung bị cáo Nông Văn V số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)

- Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Văn K. Xử phạt bị cáo Lý Văn K 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 17/12/2024. Không phạt bổ sung bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu, tiêu huỷ:

+ 01 (một) phong bì thư, mặt trước ghi: "Vật chứng bắt quả tang Lý Văn K có hành vì Tàng trữ trái phép chất ma túy, phát hiện ngày 17/12/2024 tại Tổng Ngoảng, Q, B, Cao Bằng". Mặt sau phong bì có chữ ký của những người tham gia niêm phong và chữ ký của Lý Văn K;

+ 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi số 43/KL-KTHS, Hoàn mẫu vụ Lý Văn K - hành vì tàng trữ trái phép chất ma túy. Mặt sau có chữ ký của những người tham gia và đóng 04 (bốn) dấu giáp lai của Phòng K2 Công an tỉnh C.

+ 01 (một) mảnh giấy bạc kích thước 3x8 cm đã bị đốt dở.

+ 01 (Một) thẻ sim của nhà mạng VIETTEL, có số thuê bao 0346.562.107);

- Tịch thu, phát mại, nộp vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 Điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO màu xanh, số IMEI 1: 865142056653391; số IMEI 2: 865142056653383 đã qua sử dụng) được đựng trong 01 (một) phong bì thư mặt trước ghi “Điện thoại di động của Lý Văn K tạm giữ ngày 17/12/2024", mặt sau phong bì có chữ ký xác nhận của Lý Văn K và chữ ký của những người tham gia niêm phong, đóng dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng.

- 01 Điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO màu xanh, số IMEI 1: 865184041560133; số IMEI 2: 865184041560125 đã qua sử dụng được đựng trong 01 (một) phong bì thư mặt trước ghi " Điện thoại di động của Nông Văn V tạm giữ ngày 17/12/2024", mặt sau phong bì có chữ ký xác nhận của Nông Văn V và chữ ký của những người tham gia niêm phong, đóng dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng.

+ Tịch thu số tiền 955.000 đồng (Chín trăm năm mươi năm nghìn đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Lý Văn K số tiền 285.000 đồng (Hai trăm tám mươi năm nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn V 01 (một) ví giả da màu đen đã qua sử dụng; số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nhưng tạm giữ số tiền để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

- Trả lại cho bà Trương Thị T1 (sinh ngày 17/7/1983; Nơi cư trú: xóm N, xã Q, huyện B, tỉnh Cao Bằng): 01 (một) xe máy nhãn hiệu Wave RSX, màu đen, Biển kiểm soát 11AM- 012.80, số khung: RLHJA3864RY004191, số máy: JA53E-00292846; dung tích 110 cm^3, (Có chìa khoá kèm theo).

Xác nhận, số tiền 6.240.000 đồng đã chuyển vào tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng ngày 14/02/2025; các vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 24 ngày 28/02/2025.

- Buộc bị cáo Nông Văn V nộp lại số tiền 45.000 đồng (Bốn mươi năm nghìn đồng).

4. Về án phí hình sự: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Nông Văn V, Lý Văn K.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi của mình thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Phân trại tạm giam khu vực Bảo Lâm;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Thị Kim